

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 11 tháng 01 năm 2023  
V/v: “Tranh chấp về  
Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Ánh Duyên và bà Nguyễn Thị Sâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị L, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Khu Đ, xã C, huyện C, tỉnh P.

*Bị đơn:* Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Khu Đ, xã C, huyện C, tỉnh P.

(Chị L, anh T đều có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày:* Chị và anh Phạm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2003 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, uống nhiều rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn chửi bới, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2021 đến nay mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Linh, sinh ngày 24/8/2004; Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2008; Phạm Đức D, sinh ngày 31/12/2019. Cháu Linh đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao

cháu Quân, cháu Duy cho chị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2022, bị đơn anh Phạm Thanh T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn anh cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Linh, sinh ngày 24/8/2004; Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2008; Phạm Đức D, sinh ngày 31/12/2019. Cháu Linh đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Nguyên vọng của cháu Quân xin được ở với mẹ nên khi ly hôn anh nhất trí giao cháu Quân, cháu Duy cho chị L được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết.

3, *Nguyên vọng của cháu Phạm Minh Q:* Tại bản tự khai ngày 10/11/2022 cháu Quân đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

4, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã C ngày 28/12/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị L và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/12/2003 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh T tại xã Văn Khúc. Từ năm 2006 đến nay thì anh chị về chung sống với nhau tại xã Chương Xá. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng nên càng thêm trầm trọng, đến nay anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn, anh T cũng đã đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm nghĩa vụ quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 207 khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L được ly hôn anh Phạm Thanh T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2008; Phạm Đức D, sinh ngày 31/12/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phùng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại Khu Đ, xã C, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L, anh T đều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã V, huyện C, tỉnh P cho đăng ký kết hôn ngày 03/12/2003. Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng cãi vã chửi bới súc phạm nhau, ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Linh, sinh ngày 24/8/2004; Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2008; Phạm Đức D, sinh ngày 31/12/2019. Đối với cháu Linh đến nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành, chị L anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Quân, cháu Duy, khi ly hôn chị L xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Quân, cháu Duy và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con

chung, anh T đồng ý theo ý kiến của chị L. Nguyên vọng của cháu Quân đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin ở với mẹ. Xét yêu cầu của anh chị về việc thỏa thuận giao con chung và thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L được ly hôn anh Phạm Thanh T.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2008; Phạm Đức D, sinh ngày 31/12/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phùng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0008041 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Các đương sự
- UBND xã Văn Khúc;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

**Đinh Thị Thu Huyền**